

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 2657/2017/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: 1. **Ông Võ Hữu V**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bà Trần Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Võ Hữu V và bà Trần Thị H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Hữu V và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: có 02 con chung là cháu Võ Hà Trần Phương A, sinh ngày 25/7/2003 và cháu Võ Hà Trần Trường A, sinh ngày 30/8/2007. Ly hôn, giao hai cháu Phương A và cháu Trường A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông V sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/một cháu, tổng cộng hai cháu là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng

kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông V được quyền đi lại thăm nuôi các con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi các con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Lệ phí HNGĐ-ST: Ông Võ Hữu V và bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 003689 ngày 07/12/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Hạnh